

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:01/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 28-01-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng.

2. Bà Hoàng Vạn Sinh.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Khanh – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại Phòng xử án, Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18-12-2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm 1982, có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1982, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13-8-2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày có nội dung: Chị và anh Trần Văn D chung sống với nhau từ năm 2000 trên cơ sở tự nguyện. Đến ngày 02 tháng 7 năm 2010 hai anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D hay uống rượu say, không lo làm ăn, sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Hai anh chị đã sống ly thân 6 năm nay. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn D.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là Trần Văn K, sinh ngày 09-7-2001. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu K cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Đinh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, không có thay đổi, bổ sung vấn đề gì khác.

Bị đơn anh Trần Văn D: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Trần Văn D đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 13-8-2018 nguyên đơn chị Đinh Thị T nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 20-8-2018 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 22-8-2018 nguyên đơn chị Đinh Thị T nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Trần Văn D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị T và anh Trần Văn D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh D chung sống với nhau từ năm 2000, đến ngày 02-7-2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống chị T cho rằng giữa Chị và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D hay uống rượu say, không lo làm ăn, sống thiếu trách nhiệm với gia đình, hai anh chị đã sống ly thân 6 năm nay. Theo kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị T, anh D thì vào năm 2014, Ủy ban nhân dân xã E nhận được đơn ly hôn của vợ chồng chị T, anh D và Ủy ban nhân dân xã E đã tổ chức hòa giải ngày 19-3-2014, chị T và anh D trình bày vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân

một thời gian. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị Đinh Thị T và anh Trần Văn D đã vi phạm nghiêm trọng, quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Đinh Thị T ly hôn anh Trần Văn D là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Xét thấy giữa chị Đinh Thị T và anh Trần Văn D có 01 con chung là Trần Văn K, sinh ngày 09-7-2001, chị T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu K cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trần Văn K đủ tuổi thành niên là đảm bảo cho sự phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần của cháu K; anh Trần Văn D có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4.4] Về tài sản: Chị Đinh Thị T không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005386 ngày 22-8-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào: Điều 51; khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T được ly hôn với anh Trần Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Văn K, sinh ngày 09-7-2001 cho chị Đinh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên, anh Trần Văn D có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đinh Thị T chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản: Chị Đinh Thị T chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005386 ngày 22-8-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã B;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu TA, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Anh